



# VỀ PHÂN HÓA TRONG GIÁO DỤC SINGAPORE

• NGUYỄN PHƯƠNG HỒNG

*Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam*

Từ năm 1979 đến năm 1996, vấn đề phân hóa trong giáo dục Singapore được giải quyết một cách hiệu quả theo xu hướng phân luồng dựa trên sở trường và khả năng học tập của học sinh (HS). Từ năm 1997 đến nay, Singapore chú trọng một cách mềm dẻo và đa dạng đến việc phát triển mũi nhọn theo sở trường của HS (bao gồm cả việc hỗ trợ giáo dục cá biệt) trên các lĩnh vực khác nhau.

## 1. Sự phân hoá thể hiện trong việc xây dựng hệ thống giáo dục và quy định văn bằng tốt nghiệp tương ứng.

Hệ thống giáo dục và các văn bằng tốt nghiệp của Singapore đa dạng, liên thông đảm bảo cho mọi HS có thể theo học phù hợp với sở trường, khả năng, và nhịp độ học tập, đồng thời đáp ứng yêu cầu xã hội.

**1. Ở cấp giáo dục Tiểu học 6 năm**, HS có thể theo học tại các trường tiểu học bình thường hoặc chuyên biệt. Giáo dục Tiểu học được chia thành 2 giai đoạn: Giai đoạn cơ sở 4 năm với một chương trình học tập chung cho tất cả HS và giai đoạn định hướng 2 năm tùy theo khả năng của HS. Cuối cấp Tiểu học, HS phải thi tốt nghiệp Tiểu học (Primary School Leaving Examination - PSLE). Đây cũng là kỳ thi xếp lớp cho bậc Giáo dục Trung học.

**2. Ở cấp giáo dục Trung học 6 năm**, HS được xếp vào học một trong 5 loại hình trường sau: Trường trung học công (quy lấy từ chính phủ), Trường nghề, Trường năng khiếu, Trường tư, Trường chuyên biệt.

Trong các trường trung học công, tùy theo trình độ, sở trường và nhịp độ học tập, HS được phân vào học một trong 2 hệ giáo dục phổ thông khác nhau là hệ giáo dục Trung học liên thông hoặc hệ giáo dục Trung học.

- Hệ Giáo dục Trung học liên thông giành cho một số nhỏ HS khá giỏi theo học một mạch từ lớp 7 đến lớp 12. Tại đây, HS được học theo chương trình tích hợp (integrated), không phải thi tốt nghiệp THCS, chỉ thi tốt nghiệp trung học để lấy bằng 'A' level (Singapore-Cambridge General Certificate of Education 'Advanced' GCE 'A'), Tùy theo kết quả thi tốt nghiệp trung học, HS được xếp vào học tại các trường đại học hoặc chuyển sang học năm thứ 3 ở trường cao đẳng bách khoa.

- Hệ Giáo dục Trung học, bao gồm cấp Trung học cơ sở (General Education) từ lớp 6 đến lớp 10 và cấp Trung học phổ thông

(Secondary Education) từ lớp 11 đến lớp 12.

+ Cấp Trung học cơ sở được chia thành 2 giai đoạn cơ sở (Lower Secondary tương ứng với lớp 7, 8) và nâng cao (Upper Secondary tương ứng với lớp 9, 10). Tại các trường THCS, HS được xếp vào học theo 3 loại Chương trình (CT) học tập khác nhau: Khoảng 60% HS học theo CT đặc biệt / cấp tốc (Secondary Special / Express Course) trong 4 năm và khoảng 40% HS học theo CT văn hoá bình thường (Normal - Academic Course) hoặc CT kĩ thuật bình thường (Normal - technical Course) 4 năm hoặc 5 năm.

Sau mỗi năm học ở cấp THCS, tùy theo thành tích học tập HS có thể chuyển sang lớp học theo các CT học tập khác hoặc chuyển sang loại hình trường học khác.

Cuối năm lớp 10, trong khi HS học CT đặc biệt phải thi từ 6 đến 8 môn để lấy bằng tốt nghiệp THCS 'O' level (Singapore - Cambridge General Certificate of Education 'Ordinary') thì HS học CT văn hoá bình thường phải thi từ 6 đến 8 môn để lấy bằng tốt nghiệp THCS 'N' level (Singapore - Cambridge General Certificate of Education 'Normal'), còn HS học CT kĩ thuật bình thường chỉ phải thi từ 5 đến 7 môn cũng để để lấy bằng tốt nghiệp THCS 'N' level.

HS giỏi đã theo học một trong hai CT bình thường có thể học thêm 1 đến 2 môn học (ở trình độ cao hơn) để thi lấy bằng 'O' level. HS đã thi lấy bằng 'N' level có điểm cao có thể học thêm năm thứ 5 (Secondary 5N) để thi lấy bằng O-level. Số HS có bằng tốt nghiệp 'N' level còn lại sẽ theo học nghề tại các Học viện đào tạo kĩ thuật. Số HS có bằng tốt nghiệp 'O' level có thể nộp đơn xin vào học tiếp tại các loại trường khác nhau thuộc cấp Trung học phổ thông hoặc chuyển sang học ở các loại hình trường khác.

+ Cấp Trung học phổ thông bao gồm hệ Giáo dục dự bị đại học (Pre-University) và hệ Giáo dục sau phổ thông (Post-Secondary Education).

Ở hệ Giáo dục dự bị đại học, hàng năm có khoảng 28% số HS có bằng 'O' level được xếp vào học CT dự bị đại học 2 năm tại Trường cao đẳng (junior college) hoặc CT dự bị đại học 3 năm tại Viện đào tạo tập trung (centralised institute course). Việc nhận HS vào hệ dự bị đại học ở các đơn vị đào tạo 2 năm hoặc 3 năm được quyết định bởi hệ thống đánh giá L1R5 (ngôn ngữ thứ nhất và 5 môn học tương ứng), chủ yếu dựa trên kết quả thi lấy bằng 'O' level. Vào cuối

năm học dự bị đại học, HS sẽ thi lấy bằng tốt nghiệp Trung học 'A' level. Đây là chứng chỉ yêu cầu đầu vào của các trường đại học.

Hệ giáo dục sau phổ thông gồm các trường Cao đẳng bách khoa (Polytechnic) và các Học viện kĩ thuật (Institute of Technical Education - ITE).

Hàng năm có khoảng 38% số HS có bằng 'O' level được xếp vào học một trong 5 trường Cao đẳng bách khoa. Ngoài ra còn có một số HS có bằng 'A' level và một số HS tốt nghiệp Viện giáo dục kĩ thuật với điểm số cao có thể tiếp tục theo học năm thứ ba ở các trường cao đẳng bách khoa. Các trường này đào tạo một số nghề kĩ thuật theo môđul, tín chỉ, trong thời gian 2 hoặc 3 năm học tùy theo khả năng và nhịp độ học tập của HS. HS thi tốt nghiệp trường cao đẳng bách khoa được nhận bằng diploma level.

Hàng năm có khoảng 22% số HS có bằng 'O' level và 75% số HS có bằng 'N' level được xếp vào học 1 trong 10 Học viện giáo dục kĩ thuật hoặc 1 trong 2 trường nghệ thuật tư nhân. Các trường này đào tạo nghề kĩ thuật hoặc thương mại trong khoảng thời gian từ 1 đến 2 năm, tùy theo khả năng và nhịp độ học tập của HS. Kết thúc khóa học, HS thi lấy chứng chỉ nghề và có thể hoặc là gia nhập đội ngũ lao động hoặc tiếp tục chuyển tiếp tới các trường cao đẳng bách khoa. Ngoài ra, Học viện kĩ thuật cũng cung cấp các CT giáo dục tiếp tục cho người đi làm.

**3. Ở trình độ Giáo dục Đại học** (University Education), hàng năm có khoảng 23% số HS từ 17, 18 tuổi trở lên, có bằng 'A' level có thể nộp đơn học đại học trong khoảng thời gian từ 3 đến 4 năm.

Ngoài 3 trường đại học công, có trên 300 trường tư thục về thương mại, công nghệ thông tin, nghệ thuật và ngôn ngữ ở Singapore. Các trường này cung cấp các khoá học khác nhau với các chứng chỉ, văn bằng cử nhân và sau đại học. Ngoài ra, rất nhiều trường đại học hàng đầu thế giới đã thiết lập hệ thống giáo dục và đào tạo tại các trường đại học Singapore hoặc có các chương trình liên kết đào tạo với các trường đại học tại địa phương.

Các trường đại học, cao đẳng bách khoa và học viện kĩ thuật, dạy nghề đều có mối liên hệ chặt chẽ với các công ti và xí nghiệp, giúp chuẩn bị chỗ làm cho sinh viên. Các trường này đều có đầy đủ các ngành khoa học như y tế, kinh tế, kĩ sư và thông tin và rất chú trọng việc thực hành nghề nhằm đáp ứng nhu cầu của HS cũng như yêu cầu thực tiễn của xã hội.

**II. Sự phân hoá giáo dục thể hiện trong việc thiết kế các CT đào tạo và trong việc biên soạn các tài liệu học tập tại một số trường học ở Singapore.**

Ngoài các CT học tập thuộc lĩnh vực kĩ năng sống (Các hoạt động trong CT, CT liên quan đến

cộng đồng, GD sức khỏe, GD công dân và đạo đức, GD hướng nghiệp, GD dân tộc, GD thể chất) và kĩ năng nhân thức (Làm việc theo dự án) chung đối với mọi HS, các CT học tập thuộc lĩnh vực các môn học ở các trường được thiết kế theo khả năng và sở trường học tập của HS. Các tài liệu học tập chính khoá được xây dựng đa dạng, cho phép HS học tập theo thiên hướng và nhịp độ mà các em có thể làm chủ.

**1. Ở các trường Tiểu học**, trong giai đoạn định hướng ở 2 lớp cuối cấp, nhà trường được tự chủ trong việc xây dựng các CT (programme) dạy học 4 môn học học Tiếng Anh, Tiếng mẹ đẻ, Toán và Khoa theo 3 định hướng sau:

- Định hướng 1 (EM1) bao gồm môn Tiếng Anh, Tiếng mẹ đẻ, Toán, Khoa học và Tiếng mẹ đẻ nâng cao;

- Định hướng 2 (EM2) bao gồm môn Tiếng Anh, Tiếng mẹ đẻ, Toán, Khoa học;

- Định hướng 3 (EM3) bao gồm môn Tiếng Anh cơ bản, Tiếng mẹ đẻ cơ bản, Toán cơ bản, Khoa học cơ bản. Định hướng 3 được chia thành 2 hướng sau: Định hướng 3a (EM3a) bao gồm môn Tiếng Anh (F), Tiếng mẹ đẻ (S), Toán (F), Khoa học (S) và Định hướng 3b (EM3b) bao gồm môn Tiếng Anh (S), Tiếng mẹ đẻ (F), Toán (S), Khoa học (S).

**2. Ở các trường THCS**, có 3 CT học tập khác nhau là CT đặc biệt, CT văn hoá bình thường (CT văn hóa) và CT kĩ thuật bình thường (CT kĩ thuật). Sự khác nhau giữa các CT này thể hiện ở việc quy định các môn học và số lượng các môn học bắt buộc và tự chọn, cụ thể là:

- Ở giai đoạn lớp 7-8, trong khi CT đặc biệt và CT văn hoá quy định học 7 môn học bắt buộc (môn Tiếng Anh, Tiếng mẹ đẻ, Địa, Sử, Văn học, Toán, Khoa học) và 3 trong 5 môn học tự chọn (Ngoại ngữ thứ ba, Nghệ thuật, Âm nhạc, Công nghệ và Kinh tế gia đình) thì CT kĩ thuật chỉ quy định học 5 môn học bắt buộc (Tiếng Anh, Tiếng mẹ đẻ cơ bản, Tìm hiểu xã hội, Toán, Khoa học) và 3 trong 5 môn học tự chọn (Nghệ thuật, Âm nhạc, áp dụng máy tính, Tìm hiểu kĩ thuật và Kinh tế gia đình).

- Ở giai đoạn lớp 9-10, sự phân hóa thể hiện rõ nét so hơn với giai đoạn lớp 7-8 ở chỗ số các môn học bắt buộc ít hơn. Trong khi CT đặc biệt và CT văn hoá đều quy định 5 môn học bắt buộc (Tiếng Anh, Tiếng mẹ đẻ, KH nhân văn tích hợp, Toán 1 và ít nhất 1 môn khoa học bắt buộc chọn từ các môn Lí, Hóa, Sinh) thì CT kĩ thuật chỉ quy định học 4 môn bắt buộc (Nghệ thuật, Yếu tố quản trị cơ quan, Toán, Vận dụng máy tính. Số các môn học tự chọn trong cả 3 CT này đều là 3 môn, nhưng được lựa chọn từ 13 môn học khác nhau. 13 môn học lựa chọn trong CT đặc biệt là Ngôn ngữ thứ 3 (Pháp / Đức / Nhật / Quốc / Malai), Văn học (bằng tiếng Anh, Trung quốc), Văn học (Malai, Tamin), Nghệ thuật, Âm nhạc,



Mĩ thuật nâng cao, Âm nhạc nâng cao, Toán nâng cao, Khoa học, Công nghệ, Thực phẩm và dinh dưỡng, Kế toán và trong CT Văn hoá là Sử, Địa, Văn học bằng tiếng Anh, Văn học bằng tiếng Trung Quốc, Nghệ thuật, Âm nhạc, Yếu tố quản trị cơ quan và Vận dụng máy tính, Toán nâng cao, Khoa học tích hợp, Công nghệ, Thực phẩm và dinh dưỡng, Kế toán. Các môn học lựa chọn của CT kĩ thuật là Khoa học, Tim hiểu kĩ thuật, Thực phẩm và dinh dưỡng...

Sự phân hóa ở các trường THCS còn thể hiện trong việc biên soạn hệ thống tài liệu học tập theo CT đã nêu. Các môn học ở CT đặc biệt và CT văn hoá được biên soạn dựa trên cơ sở khoa học của bộ môn, còn các môn học ở CT kĩ thuật được biên soạn thiên về định hướng thực hành. Ngoài ra còn có thêm rất nhiều tài liệu tự chọn được viết theo môđul, phù hợp với từng loại đối tượng HS và gắn liền với đời sống và sản xuất thực tiễn của xã hội. Ví dụ như môđul Sản xuất phim hoạt hình số, Cơ sở điện tử, Bán hàng lẻ...

**3. Ở các trường Dự bị đại học**, sự phân hoá được thể hiện đặc biệt ở việc biên soạn tài liệu học tập theo 3 trình độ H1, H2 và H3. Trình độ H2 có nội dung tương đương với các tài liệu ở mức độ 'A' level trước năm 2006. Tài liệu ở trình độ H1 có độ rộng bao phủ nội dung bằng một nửa tài liệu ở trình độ H2 và có độ sâu tương tự như tài liệu ở trình độ H2. Tài liệu ở trình độ H3 cung cấp những cơ hội học tập sâu hơn so với tài liệu ở trình độ H2 (ví dụ như nội dung nâng cao, dự án nghiên cứu, chương trình học tập tổng hợp,...).

HS phải học 3 môn học bắt buộc là "Tiếng mẹ đẻ, General Paper, Làm việc theo dự án" ở trình độ H1 và 5 môn chọn bắt buộc, trong đó có 3 môn ở trình độ H2, 1 môn ở trình độ H1 và 1 môn không thuộc lĩnh vực với các môn đã chọn. Ngoài 8 môn học bắt buộc nêu trên, HS có thể tùy chọn các môn học yêu thích ở trình độ cao hơn so với các môn đã chọn hoặc các CT học tập tự chọn khác (ví dụ như Nghệ thuật, Âm nhạc, Kịch, Ngoại ngữ, Khoa học nhân văn).

### III. Sự phân hoá giáo dục thể hiện ở quyền được tự chủ của các trường.

- Bộ Giáo dục Singapore cho phép các trường khác (ngoài hệ thống giáo dục phổ thông) tự chủ trong việc nhận HS vào học cũng như trong việc xây dựng CT đào tạo mềm dẻo theo năng khiếu, thiên hướng, khả năng và nhu cầu của HS.  
- CT tích hợp ở hệ trường Trung học liên thông 6 năm dành cho những HS có khả năng rõ ràng, chắc chắn vào đại học. Những HS này được đào tạo gắn với trải nghiệm học tập nhiều hơn nhằm phát triển khả năng sáng tạo và khả năng lãnh đạo của các em.

- Tại các trường năng khiếu đào tạo nhân tài đối với 1 số lĩnh vực chuyên sâu như Nghệ thuật,

Thể thao, Toán và Khoa học, nhà trường được phép tự xây dựng CT đào tạo phát triển khả năng đặc biệt của HS. Ví dụ như trường Thể thao Singapore thành lập vào tháng giêng năm 2004 đào tạo HS từ tuổi thiếu niên; trường trung học Toán và Khoa học thuộc trường Đại học quốc gia Singapore thành lập năm 2005 đào tạo HS có năng khiếu về toán và khoa học trong 6 năm, trường chuyên về nghệ thuật sẽ được thành lập năm 2008.

- Tại các trường tư và trường dự bị đại học, CT đào tạo đầu tư theo các ý tưởng đổi mới thực hành gắn với môi trường thực tiễn Singapore, tôn trọng chính sách song ngữ của Bộ Giáo dục và kết hợp chặt chẽ với CT giáo dục quốc gia.

- Một số trường sau trung học và dự bị đại học được phép nhận HS có nguyện vọng vào học theo tiêu chí minh bạch và xứng đáng của riêng nhà trường trước khi HS thi tốt nghiệp Tiểu học hoặc THCS 'O' level.

- Các trường Cao đẳng bách khoa ở Singapore cung cấp các khoá học cử nhân 3 năm trong nhiều lĩnh vực khác nhau như kĩ sư, kinh doanh, kế toán, du lịch và chăm sóc khách hàng, truyền thông, y tá, công nghệ sinh học, khoa học ứng dụng và nhiều ngành khác.

- Các Viện đào tạo kĩ thuật trang bị cho HS các kĩ năng kĩ thuật và kiến thức trong các ngành nghề khác nhau để đáp ứng nhu cầu nhân lực của nền công nghiệp Singapore.

- Để mở rộng sự lựa chọn cách được đào tạo của HS, một số trường có thể đưa ra CT và văn bằng khác nhau (được công nhận trong nước) cho phép HS tiếp tục học lên bậc giáo dục cao hơn.

### IV. Tạo điều kiện cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu học tập phân hoá của HS

- Việc học tự chọn được bố trí theo nguyện vọng của HS.

- Trước mỗi học kì, nhà trường cung cấp thông tin về các khoá học, HS đăng kí nguyện vọng sau đó nhà trường sắp xếp thời khoá biểu.

- Các trường có đủ cơ sở vật chất như thư viện, phòng học bộ môn (phòng học khoa học, phòng học nghệ thuật, phòng học âm nhạc, phòng máy tính, phòng thể dục thể thao) và giáo viên để đáp ứng nguyện vọng học tập của HS.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. "Hệ thống giáo dục Singapore" do Bộ Giáo dục Singapore cung cấp năm 2007.

### SUMMARY

The author presents the differentiation of education in Singapore, as expressed in: designing of education system and system of degrees; design of training programs and preparation of learning materials; autonomy of schools and physical basic meeting the differentiation learning needs by students.